

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/DS-PT

Ngày: 29 - 9 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Dương Viết Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và bà Từ Thị Hải Dương.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Phạm Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2023/TLPT - DS ngày 10 tháng 8 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3055/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Đức Ngh, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn D, xã D, huyện Gi, TP Hà Nội, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 179 Hoàng Hoa Th, phường Ng, Quận B, TP Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 01 đường Nguyễn Hữu H, thôn T, xã Q, TP Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1986; địa chỉ: Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Đ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ngh và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Nguyễn Đức Ngh và bà Phạm Thị Ngọc T quen biết nhau do cùng là phật tử của của Chùa Pháp Điện tại Văn Lâm, Hưng Yên, ngôi chùa gần nhà ông Ngh. Sau đó, bà Phạm Thị Ngọc T có vay của ông Ngh một khoản tiền để làm ăn kinh doanh và hẹn sẽ sớm trả lại vì đang chờ Ngân hàng cơ cấu lại khoản vay. Là

chỗ quen biết, ông Ngh lại tin tưởng do bà T giới thiệu là nhà khoa học đã được đào tạo ở nước ngoài về, có nhiều nhà đất, biệt thự ở nước ngoài. Do tin tưởng bà theo phật pháp và có học thức, là nhà khoa học được tu nghiệp ở nước ngoài, về quê hương phục vụ cho lĩnh vực công ích của tỉnh Quảng Bình, có chồng làm trong ngành Công an nên ông đã tin tưởng. Đặc biệt, bà T nói nhà máy xử lý rác thải ở Q vận hành sẽ mang đến rất nhiều lợi ích cho xã hội, sẽ có thu nhập tốt... nên ông đã tin tưởng và cho bà T vay, giao tiền mặt cho bà T với một khoản tiền lớn lên tới 4,5 tỷ đồng. Ngày 08/04/2021, bà T có viết cam kết trả nợ cho ông trong vòng sáu tuần tính từ ngày viết giấy. Đáp lại với sự tin tưởng và giúp đỡ nhiệt tình, không nề hà, tính toán của ông Ngh, bà T lại không chịu thực hiện đúng những gì đã thỏa thuận, cam kết. Quá hạn cam kết trả nợ gần hai năm nay, bà T vẫn khất lần khất lượt, hứa hẹn nhiều lần nhưng đều không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông đã mất rất nhiều thời gian và công sức để đi tìm kiếm bà T, nhưng bà T luôn lẩn tránh, không nghe điện thoại, không gặp mặt dù ông lặn lội từ Hà Nội vào Đồng Hới, tới tận nhà riêng của bà để tìm kiếm. Việc bà T thất hứa quá nhiều lần khiến ông vô cùng thất vọng, sau quá trình tìm hiểu thì ông vô cùng bàng hoàng với sự thật: Bà Phạm Thị Ngọc T và Công ty TNHH phát triển dự án Việt Nam hiện đang nợ rất nhiều các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, các đối tác làm ăn và cả người lao động. Công ty của bà T hiện đang bị nhiều công ty khởi kiện, bị yêu cầu thi hành án, đòi nợ ... hoàn toàn không như những gì bà T nói với ông Ngh. Sau khi biết được sự việc, ông đã liên hệ và yêu cầu T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông nhưng bà T đã không thực hiện, nhiều lần khất hứa và gạt ông, Thời gian chậm thanh toán cho ông Ngh đã kéo dài rất lâu, tạm tính từ tháng 01/06/2021 đến 01/6/2023 (2 năm). Do đó, căn cứ theo quy định của Bộ luật dân sự thì bà T phải trả cho ông toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán 4.500.000.000 VNĐ tạm tính đến hết tháng 5/2023 thì bà T phải trả cho ông là $4.500.000.000 \text{ VNĐ} \times 9\%/\text{năm} \times 2 \text{ năm} = 810.000.000 \text{ VNĐ}$ (Tám trăm mười triệu). Ông Ngh không đồng ý với việc bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong Giấy cam kết trả nợ ký ngày 08/04/2021. Hành vi chây ỳ, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận và cam kết của bà T là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo thỏa thuận dân sự và làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của ông. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Ngh làm đơn khởi kiện bà Phạm Thị Ngọc T. Đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả cả tiền nợ gốc và lãi, tạm tính đến 01/6/2023 là 5.310.000.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra Thông báo thụ lý vụ án và đã gửi cho các đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T không đến Tòa án theo thời gian quy định. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ngh. Buộc bà Phạm Thị Ngọc T phải trả cho ông Nguyễn Đức Ngh số tiền tính đến hết ngày 31/5/2023 là: 5.310.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 4.500.000.000 đồng, tiền lãi 810.000.000 đồng). Từ ngày 01/6/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng bà Phạm Thị Ngọc T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/7/2023, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T kháng cáo: Đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, bị đơn bà T chỉ nợ ông Ngh số tiền gốc là 4.300.000.000 đồng, bà T không chấp nhận trả khoản tiền lãi 810.000.000 đồng cho ông Ngh.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T ủy quyền cho bà Lê Thị Thanh H, bà H trình bày: Bà Phạm Thị Ngọc T không đồng ý với số tiền nợ gốc 4.500.000.000 đồng mà chỉ nợ ông Ngh số tiền gốc là 4.300.000.000 đồng và bà không đồng ý trả cho ông Ngh khoản tiền lãi 810.000.000 đồng. Ngày 04/01/2021 từ tài khoản số 0311000680929 của ông Hoàng Minh H tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Quảng Bình đã chuyển trả cho ông Bùi Văn M với số tiền là 300.000.000 đồng với mã giao dịch 924659674 vào lúc 16h08' và 200.000.000 đồng với mã giao dịch 924663684 vào lúc 16h10' tài khoản thụ hưởng là 1212066356018 tại Ngân hàng Techcombank. Ngày 08/01/2021 từ tài khoản số 251704070004312 của ông Hoàng Minh H tại Ngân hàng HDBank Chi nhánh Quảng Bình đã chuyển trả cho ông Bùi Văn M với số tiền là 100.000.000 đồng mã giao dịch 662503 vào lúc 17h30', 100.000.000 đồng mã giao dịch 662658 vào lúc 17h41'; 100.000.000 đồng mã giao dịch 662742 vào lúc 17h42'; 100.000.000 đồng mã giao dịch 662810 vào lúc 17h43'; 100.000.000 đồng mã giao dịch 662860 vào lúc 17h44' vào tài khoản thụ hưởng là 12120663563018 tại Ngân hàng Techcombank. Ngày 05/02/2021 từ tài khoản 251704070004318 của ông Hoàng Minh H tại Ngân hàng HDBank chi nhánh Quảng Bình đã chuyển cho ông Bùi Văn M, với số tiền là 100.000.000 đồng mã giao dịch 823591 vào lúc 18h52'; 100.000.000 đồng mã giao dịch 823772 vào lúc 17h54'; 100.000.000 đồng mã giao dịch 823835 vào lúc 17h55'. Tổng số tiền từ tài khoản ông Hoàng Minh H đã chuyển cho ông Bùi Văn M là 1.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cho rằng các giấy chuyển tiền bị đơn cung cấp không liên quan đến vụ án, thời điểm chuyển tiền gần nhất là ngày 05/02/2021, nhưng giấy nhận nợ ghi ngày 08/4/2021. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị nguyên đơn cho thêm thời gian để bị đơn có điều kiện sắp xếp trả nợ. Giữ nguyên kháng cáo, thừa nhận chỉ nợ ông Ngh số tiền gốc là 4.300.000.000 đồng và không chấp nhận trả khoản tiền lãi 810.000.000 đồng cho ông Ngh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; kháng cáo của bà T không được Tòa án chấp nhận, nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 30/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án, ngày 07/7/2023 bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T làm đơn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, có căn cứ khẳng định: Tại giấy cam kết trả nợ do bà Phạm Thị Ngọc T lập ngày 08/4/2021 đã xác định bà T có nợ ông Nguyễn Đức Ngh, số tiền 4.500.000.000 đồng và thỏa thuận về thời hạn trả tiền là trong vòng sáu tuần lễ kể từ ngày 08/4/2021, không có thỏa thuận về lãi. Khi viết giấy cam kết bà T có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, hình thức, nội dung, đối tượng, mục đích của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, giấy cam kết trả nợ bà T lập ngày 08/4/2021 là Hợp đồng dân sự vay tài sản không kỳ hạn, phù hợp theo quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực thi hành, do đó bà T phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo giấy cam kết mà bà T đã lập. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền sau sáu tuần lễ như bà T đã cam kết, bà T không thực hiện việc trả tiền là đã vi phạm nghĩa vụ theo giấy cam kết mà bà T đã lập ngày 08/4/2021 theo quy định tại Điều 280 BLDS. Bà Phạm Thị Ngọc T kháng cáo cho rằng bà T chỉ nợ ông Ngh số tiền gốc là 4.300.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà T đã trả ông Ngh số tiền 200.000.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà T cung cấp một số tài liệu, chứng cứ cho rằng đã chuyển khoản số tiền là 1.500.000.000 đồng, nhưng các tài liệu, chứng cứ mà bà T cung cấp không liên quan đến việc bà T đã trả nợ một phần cho ông Ngh, nên không có căn cứ xác định bà T đã trả một phần số tiền nợ gốc cho ông Ngh. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bà T còn nợ ông Ngh số tiền gốc là 4.500.000.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ do bà T lập ngày 08/4/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật quy định.

Đối với kháng cáo của bà T không chấp nhận trả khoản tiền lãi 810.000.000 đồng cho ông Ngh như cấp sơ thẩm đã quyết định thấy: Tại giấy Giấy cam kết trả nợ do bà Phạm Thị Ngọc T lập ngày 08/4/2021, các bên đương sự không thỏa thuận về lãi, nhưng khi xảy ra tranh chấp, nguyên đơn có yêu cầu tính lãi 9%/năm từ ngày 01/6/2021 (là quá 6 tuần tính từ ngày 08/4/2021) đến hết ngày 31/5/2023 là 2 năm, cụ thể: $4.500.000.000đ \times 9\%/năm \times 2năm = 810.000.000$ đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 357 và 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả đối với khoản tiền nợ gốc mà bị đơn còn nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Ngh. Buộc bà Phạm Thị Ngọc T phải trả cho ông Nguyễn Đức Ngh, số tiền tính đến hết ngày 31/5/2023 là: 5.310.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 4.500.000.000 đồng, tiền lãi 810.000.000 đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà bà đã nộp tại biên lai số: 31AA/2021/0001609 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh QB (P9);
- TAND Thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Dương Viết Hải